

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 308/2024/DS-ST
Ngày: 21 - 6 - 2024
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay cầm cố

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ân

Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 604/2023/TLST- DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp Hợp đồng vay cầm cố” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2024/QĐXXST- DS ngày 02 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 160/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần đầu tư khai thác quản lý tài sản V; địa chỉ trụ sở: Số 76 (Lầu 5) đường C, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Các ông (bà) Huỳnh Trí T, Cao Minh M và Chu Mai C; cùng địa chỉ: Số 76 (Lầu 6) đường C, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền số Q3.2009/2023/UQ-VFIN ngày 10/9/2023). (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà Diệp Thị Bích Y, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 115/6 đường N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH TMDV L; địa chỉ trụ sở: Tầng 8, Khu văn phòng, số 01 đường S, phường A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1988; địa chỉ: 127/103/18/6A Ni Sư Huỳnh L, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 9 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Chu Mai C trình bày:

Giữa Công ty TNHH TMDV L (sau đây được gọi tắt là Công ty L) và bà Diệp Thị Bích Y có ký Hợp đồng vay cầm cố số 6952292 ngày 05/3/2023 với nội dung công ty cho bà Y vay số tiền 16.400.000 đồng, lãi suất 19.44%/năm, lãi suất quá hạn bằng 100% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 46 ngày, thanh toán làm 4 kỳ vào các ngày 18/3/2023, 01/4/2023, 15/4/2023 và 29/4/2023. Ngày 06/3/2023 Công ty L đã giải ngân toàn bộ số tiền vay vào tài khoản bà Y. Quá trình thực hiện hợp đồng bà Y chưa thanh toán bất kỳ số tiền vay nào nên ngày 18/3/2023 Công ty L đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Ngày 21/7/2023 Công ty L bán toàn bộ khoản nợ của bà Y theo Hợp đồng vay cầm cố trên cho Công ty TNHH đầu tư khai thác quản lý tài sản V (nay là Công ty cổ phần đầu tư khai thác quản lý tài sản V, sau đây được gọi tắt là Công ty quản lý tài sản V) theo Hợp đồng mua bán nợ số 02/2023/Loi Tin- Vfin, đồng thời thông báo cho bà Y về việc đã chuyển giao khoản nợ của bà cho Công ty quản lý tài sản V. Tính đến ngày 21/6/2024 bà Y còn nợ Công ty quản lý tài sản V tổng số tiền 20.597.744 đồng, gồm nợ gốc là 16.400.000 đồng, nợ lãi trong hạn 495.936 đồng và nợ lãi quá hạn 3.701.808 đồng.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 22/6/2024 theo mức lãi suất do các bên thoả thuận tại hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo; đồng thời bị đơn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng vay cầm cố, được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn bà Diệp Thị Bích Y cư trú tại quận Gò Vấp. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ vào Hợp đồng mua bán nợ số 02/2023/Loi Tin- Vfin ngày 21/7/2023 giữa Công ty L và Công ty quản lý tài sản V, theo đó bên bán chuyển nhượng các khoản phải thu theo Hợp đồng vay cầm cố cho bên mua và bên mua đồng ý nhận chuyển nhượng theo các điều kiện và điều khoản trong hợp đồng này; việc mua bán cũng đã được Công ty L thông báo cho bị đơn. Theo nội dung thông báo thể hiện kể từ ngày các bên ký hợp đồng nêu trên Công ty quản lý tài sản Việt có toàn quyền xử lý bao gồm cả quyền thu hồi khoản dư nợ của bị đơn đã ký kết với Công ty L. Do đó, Công ty quản lý tài sản Việt được quyền khởi kiện bị đơn đối với Hợp đồng vay cầm cố nêu trên.

Căn cứ vào lời khai xác nhận của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để khẳng định tính đến ngày 21/6/2024 bị đơn còn nợ số tiền gốc là 16.400.000 đồng, mặc dù Công ty quản lý tài sản Việt nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không thanh toán nên yêu cầu đòi nợ gốc của nguyên đơn là có cơ sở.

Theo Hợp đồng vay cầm cố đã ký, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi trong hạn nhưng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ dư nợ còn thiếu của bị đơn chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 18/3/2023, tính lãi suất nợ quá hạn theo quy định tại hợp đồng các bên đã ký và nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22/6/2024 là có cơ sở. Tính đến ngày 21/6/2024 bị đơn còn nợ lãi trong hạn là 495.936 đồng và lãi quá hạn 3.701.808 đồng theo bảng tính lãi của Công ty quản lý tài sản V là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về phía bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được Tòa tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vụ án.

Xét thấy, việc các bên ký Hợp đồng vay cầm cố số 6952292 ngày 05/3/2023 là hoàn toàn tự nguyện nhưng do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh

toán, không thực hiện đúng như thoả thuận giữa các bên. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền 20.597.744 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc là 16.400.000 đồng, nợ lãi trong hạn 495.936 đồng và nợ lãi quá hạn 3.701.808 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 1.029.887 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 271, 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);
- Căn cứ Luật án phí, lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn bà Diệp Thị Bích Y có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần đầu tư khai thác quản lý tài sản V tổng số tiền nợ theo Hợp đồng vay cầm cố số 6952292 ngày 05/3/2023 là 20.597.744 đồng ngay khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật; trong đó bao gồm nợ gốc 16.400.000 đồng, nợ lãi trong hạn 495.936 đồng và nợ lãi quá hạn 3.701.808 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Diệp Thị Bích Y phải chịu án phí là 1.029.887 đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 422.398 đồng cho nguyên đơn theo biên lai thu số AA/2023/0012664 ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận G.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo

mức lãi suất mà các bên thoả thuận tại hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.GV;
- Chi cục THADS Q.GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Trần Thúy Duyên